

PHỤ LỤC
Đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh
(Kèm theo Công văn số 3198/SNV-TCBM ngày 17/10/2022 của Sở Nội vụ)

STT	Điều, Khoản, Điểm	Nội dung quy định tại Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 25/9/2022	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	Khoản 8 Điều 2 về nguyên tắc làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.	8. Mỗi thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ công tác của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan Nhà nước cấp trên. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh phải trực tiếp nghiên cứu, có ý kiến đối với các nội dung đề nghị tại Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (<i>không được giao cho cấp phó tham gia ý kiến hoặc ký văn bản trả lời Phiếu xin ý kiến</i>).	8. Mỗi thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ công tác của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan Nhà nước cấp trên. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh phải trực tiếp nghiên cứu, có ý kiến đối với các nội dung đề nghị tại Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (<i>không được giao cho cấp phó tham gia ý kiến hoặc ký văn bản trả lời Phiếu xin ý kiến</i>). - Bổ sung nội dung nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình thảo luận, cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh. - Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh , thành phố trực thuộc Trung ương (ban hành kèm theo Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ): " <i>Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm; thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra phiên họp hoặc Phiếu xin ý kiến</i> ".	- Bổ sung nội dung nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình thảo luận, cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh. - Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh , thành phố trực thuộc Trung ương (ban hành kèm theo Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ): " <i>Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm; thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra phiên họp hoặc Phiếu xin ý kiến</i> ".
2	Khoản 1 Điều 28 về ký các văn bản của Chủ tịch Ủy	1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký: a) Các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lĩnh vực do các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách (trong trường hợp cần thiết); b) Các quyết định, chỉ thị để thực hiện nhiệm vụ, quyền	1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký: a) Các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lĩnh vực do các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách (trong trường hợp cần thiết); - Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh;	Cơ bản giữ nguyên thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chỉ bổ sung nội dung Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được quyền ký các văn bản thuộc lĩnh vực do các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách (trong trường hợp cần thiết).

STT	Điều, Khoản, Điểm	Nội dung quy định tại Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 25/9/2022	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	ban nhân dân tỉnh	<p>hạn của mình; các văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>c) Quyết định đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định đình chỉ việc thi hành văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ;</p> <p>d) Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Các văn bản trình gửi, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Thành viên Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định, chỉ thị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; các văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; - Quyết định đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định đình chỉ việc thi hành văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ; - Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật; - Các văn bản trình, gửi, báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Thành viên Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; b) Các văn bản để quyết định những vấn đề về chủ trương, biện pháp lớn, quan trọng, những vấn đề mới phát sinh, những vấn đề nhạy cảm, đột xuất xảy ra, dễ gây tác động, ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh; c) Các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật. 	

STT	Điều, Khoản, Điểm	Nội dung quy định tại Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 25/9/2022	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>e) Các văn bản để quyết định những vấn đề về chủ trương, biện pháp lớn, quan trọng, những vấn đề mới phát sinh, những vấn đề nhạy cảm, đột xuất xảy ra, dễ gây tác động, ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh;</p> <p>h) Các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.</p>		
3	Khoản 2 Điều 28 về ký các văn bản của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	<p>2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh một số văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực được phân công; một số quyết định, chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các công tác cụ thể; đôn đốc, hướng dẫn thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các văn bản gửi Bộ, ngành Trung ương,</p>	<p>2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký:</p> <p>a) Các văn bản thuộc lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phụ trách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách; - Các quyết định, chỉ thị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; các văn bản chỉ đạo, điều hành để giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phụ trách; - Các văn bản đôn đốc, hướng dẫn thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách. 	<p>- Bổ sung nội dung theo hướng tăng cường thẩm quyền, trách nhiệm của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc ký các văn bản thuộc lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phụ trách.</p> <p>- Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung căn cứ các quy định sau:</p> <p>+ Khoản 2 Điều 26 Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ban hành kèm theo Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ): "Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh một số quyết định, chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chỉ đạo các công tác cụ thể, đôn đốc, hướng dẫn thi hành các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính</p> 

STT	Điều, Khoản, Điểm	Nội dung quy định tại Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 25/9/2022	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		các Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và văn bản khác thuộc lĩnh vực được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phụ trách hoặc khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ văn bản trái pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân thuộc lĩnh vực phụ trách theo quy định của pháp luật; - Các văn bản trình, gửi, báo cáo Bộ trưởng và thành viên Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách. <p>b) Các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền (<i>Việc ủy quyền phải bằng văn bản và có thời hạn nhất định theo quy định tại Khoản 7 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019</i>).</p>	<p>phủ, Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các văn bản gửi Bộ, ngành Trung ương thuộc lĩnh vực được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phụ trách và các văn bản khác theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh".</p> <p>+ Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy chế làm việc của Chính phủ (ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ): "Trong phạm vi lĩnh vực, công việc được phân công, ủy quyền, Phó Thủ tướng Chính phủ thay mặt Thủ tướng Chính phủ có toàn quyền quyết định và chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện, mọi mặt trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về những quyết định của mình và những nhiệm vụ, lĩnh vực, cơ quan được phân công theo dõi, chỉ đạo, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả và chống tiêu cực, tham nhũng trong giải quyết công việc" và Điều 2 Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ: "Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy chế làm việc phù hợp với Quy chế làm việc của Chính phủ".</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Số: /2022/QĐ-UBND

DỰ THẢO LÝ
Ý KIẾN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND
ngày 25/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số/TTr-SNV ngày tháng 10 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số/BC-STP ngày tháng năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 25/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 8 Điều 2 như sau:

"8. Mỗi thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ công tác của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan Nhà nước cấp trên. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh phải trực tiếp nghiên cứu, có ý kiến đối với các nội dung đề nghị tại Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (*không được giao cho cấp phó tham gia ý kiến hoặc ký văn bản trả lời Phiếu xin ý kiến*).".

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 28 như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký:

a) Các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lĩnh vực do các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách (*trong trường hợp cần thiết*):

- Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các quyết định, chỉ thị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; các văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quyết định đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định đình chỉ việc thi hành văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ;

- Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật;

- Các văn bản trình, gửi, báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Thành viên Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh;

- b) Các văn bản để quyết định những vấn đề về chủ trương, biện pháp lớn, quan trọng, những vấn đề mới phát sinh, những vấn đề nhạy cảm, đột xuất xảy ra, dễ gây tác động, ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh;

- c) Các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký:

a) Các văn bản thuộc lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phụ trách:

- Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách;

- Các quyết định, chỉ thị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; các văn bản chỉ đạo, điều hành để giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phụ trách;

- Các văn bản đôn đốc, hướng dẫn thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Quyết định đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ văn bản trái pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân thuộc lĩnh vực phụ trách theo quy định của pháp luật;

- Các văn bản trình, gửi, báo cáo Bộ trưởng và thành viên Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách.

b) Các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền (*Việc ủy quyền phải bằng văn bản và có thời hạn nhất định theo quy định tại Khoản 7 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019*).".

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

2. Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nhu Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế-Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT: Huyện ủy, Thành ủy;
- TT.HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, VXNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam